KHẢO SÁT THỰC TRẠNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG MỀM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Đào Thị Hoạt
Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

Tóm tắt: *Hoạt động ngoại khóa là môi trường giúp sinh viên phát triển theo nhu cầu và năng khiếu cá nhân. Nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa việc tham gia hoạt động ngoại khóa và kỹ năng mềm của sinh viên. Trên cơ sở khảo sát 350 sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung, nghiên cứu phân tích thực trạng tham gia ngoại khóa, mức độ kỹ năng mềm và sự khác biệt theo đặc điểm cá nhân. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kỹ năng mềm thông qua các mô hình hoạt động ngoại khóa phù hợp.*

Từ khoá: *Kỹ năng mềm; Hoạt động ngoại khóa; Sinh viên; Khảo sát thực trạng; Đại học Công nghiệp Việt - Hung.*

SURVEY ON THE CURRENT STATE OF EXTRACURRICULAR ACTIVITY PARTICIPATION AND SELF-ASSESSMENT OF SOFT SKILLS OF STUDENTS AT VIET-HUNGARY UNIVERSITY OF INDUSTRY

Abstract: *Extracurricular activities provide an environment for students to develop according to their individual needs and talents. This study shows a strong correlation between participation in extracurricular activities and students' soft skills. Based on a survey of 350 students at Vietnam-Hungary University of Industry, this study analyzes the current state of extracurricular participation, the level of soft skills, and differences based on individual characteristics. From this, it proposes several solutions to improve the effectiveness of soft skills development through appropriate extracurricular activity models.*

Keywords: *Soft skills; Extracurricular activities; Students; Survey of the current situation; Vietnam-Hungary Industrial University.*

Nhận bài: 12/05/2026 Phản biện: 12/06/2026 Duyệt đăng: 15/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và quá trình hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, thị trường lao động ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ có kiến thức chuyên môn mà còn phải thành thạo các kỹ năng mềm (KNM). Tuy nhiên, nhiều SV hiện nay vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu này, tạo nên khoảng cách giữa năng lực của người học và kỳ vọng của nhà tuyển dụng.

Tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung, việc phát triển KNM cho SV là yêu cầu cấp thiết. Là cơ sở đào tạo đa ngành với đặc thù SV chủ yếu có điểm đầu vào ở mức trung bình đến trung bình khá, nhiều em chưa có điều kiện rèn luyện KNM bài bản trước khi vào đại học. Trong khi đó, chương trình đào tạo ưu tiên kiến thức chuyên môn và thực hành nghề nghiệp, nên thời lượng dành cho các nội dung phát triển KNM còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, hoạt động ngoại khóa (HĐNK) được xem là môi trường quan trọng giúp SV rèn luyện và phát triển KNM. Tuy nhiên, các hoạt động tại trường hiện chủ yếu tập trung vào phong trào tình nguyện, văn nghệ, thể thao và câu lạc bộ sở thích, trong khi các chương trình học thuật hoặc rèn luyện kỹ năng chuyên sâu chưa được tổ chức thường xuyên và chưa thu hút đông đảo sinh viên. Bên cạnh đó, áp lực học tập và làm thêm cũng làm giảm cơ hội tham gia HĐNK của người học.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tác giả thực hiện đề tài ***"Khảo sát thực trạng tham gia hoạt động ngoại khóa và tự đánh giá kỹ năng mềm của SV Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung"*** nhằm đánh giá mức độ tham gia HĐNK, thực trạng KNM của SV và mối liên hệ giữa hai yếu tố này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả HĐNK, góp phần phát triển KNM và tăng khả năng thích ứng nghề nghiệp cho SV.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2026 tại Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung thông qua bảng hỏi tự điền. Khách thể nghiên cứu là sinh viên hệ chính quy đang theo học tại trường. Sau khi làm sạch dữ liệu, mẫu hợp lệ đưa vào phân tích gồm 350 sinh viên.

Biến "mức độ tham gia hoạt động ngoại khóa (HĐNK)" được đo lường dựa trên số giờ trung bình sinh viên tham gia các hoạt động tập thể mỗi

tuần. Kết quả cho thấy sinh viên nam chiếm 64,0%, chủ yếu thuộc khối ngành kỹ thuật (60,0%). Đáng chú ý, 48,9% sinh viên hầu như không tham gia HĐNK, phản ánh mức độ tham gia còn hạn chế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và công cụ thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang với công cụ chính là bảng hỏi gồm hai phần: (i) thông tin nhân khẩu học và mức độ tham gia HĐNK; (ii) đánh giá 5 nhóm kỹ năng mềm (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian, phỏng vấn).

Các tiêu chí được đo bằng thang Likert 5 bậc (từ 1 đến 5). Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả với các chỉ số: tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình.

2.3.Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Thực trạng tham gia các loại hình HĐNK của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

Bảng 1: Tần suất tham gia các loại hình HĐNK của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

STT	Loại hình HĐNK	Mean	Thứ hạng
1	Hoạt động tình nguyện	3.85	1
2	Hoạt động Văn thể mỹ	3.42	2
3	Hội thảo, workshop chuyên đề kỹ năng	1.65	3

Số liệu tại Bảng 2 cho thấy xu hướng tham gia HĐNK của sinh viên hiện nay chủ yếu tập trung vào các hoạt động mang tính phong trào và giải trí. Hoạt động tình nguyện có mức độ tham gia cao nhất (Mean = 3.85), tiếp theo là các hoạt động văn hóa, thể thao và câu lạc bộ sở thích như võ thuật, guitar hoặc các giải thể thao sinh viên (Mean = 3.42).

Ngược lại, các hoạt động mang tính học thuật và phát triển kỹ năng chuyên sâu lại có mức độ tham gia thấp. Các buổi hội thảo, workshop kỹ năng chỉ đạt mức điểm trung bình (Mean = 1.65), cho thấy mức độ thu hút đối với sinh viên còn hạn chế. Điều này có thể xuất phát từ việc nội dung hoạt động chưa thực sự phù hợp với nhu cầu thực tế hoặc chưa tạo được động lực tham gia lâu dài cho người học.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy sinh viên đang chịu áp lực đáng kể về thời gian và điều kiện kinh tế. Có tới 64% sinh viên cho biết phải đi làm thêm để trang trải chi phí sinh hoạt, trong khi 52% gặp khó khăn do lịch học và khối lượng bài tập lớn.

2.3.2. Thực trạng năng lực KNM tự nhận thức của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

Bảng 2. Mức độ năng lực các nhóm KNM của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

STT	Nhóm KNM	Mean	Đánh giá
1	Kỹ năng Làm việc nhóm	3.12	Trung bình
2	Kỹ năng Giao tiếp	2.82	Trung bình
3	Kỹ năng Quản lý thời gian	2.75	Trung bình
4	Kỹ năng Thuyết trình	2.58	Trung bình - Yếu
5	Kỹ năng Phỏng vấn xin việc	2.51	Trung bình - Yếu

Nhìn một cách tổng quan qua Bảng 3, mặt bằng năng lực KNM theo kết quả tự đánh giá của sinh viên toàn trường hiện nay nhìn chung chỉ nằm ở mức độ trung bình với điểm số trung bình toàn bảng là 2.76. Đi sâu vào từng nhóm năng lực, Kỹ năng Làm việc nhóm đang tạm dẫn đầu với điểm Mean cao nhất (3.12) và được đánh giá ở mức Trung bình. Trong khi đó, hai nhóm kỹ năng bổ trợ cực kỳ quan trọng đối với sinh viên khi ra trường là Kỹ năng Thuyết trình (Mean = 2.58) và Kỹ năng Phỏng vấn xin việc (Mean = 2.51) lại xếp ở vị trí cuối cùng, rơi vào ngưỡng Trung bình - Yếu.

Để phác họa chi tiết hơn bản chất của thực trạng này, nghiên cứu tiến hành thống kê tỷ lệ phần trăm và điểm trung bình của từng chỉ báo hành vi cụ thể tại Bảng 4.

Bảng 3: Thực trạng năng lực các chỉ báo hành vi cấu thành KNM của sinh viên (N = 350)

Ký hiệu	Biến quan sát (Câu nhận định khảo sát)	1 - Rất yếu (%)	2 - Yếu (%)	3 - Trung bình (%)	4 - Tốt (%)	5 - Rất tốt (%)	SD
TN	**KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM**						**0.74**
TN1	Tôi sẵn sàng chia sẻ thông tin và chủ động hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm.	4.0%	14.9%	37.4%	39.4%	4.3%	0.90
TN2	Tôi biết cách lắng nghe và tôn trọng những ý kiến trái chiều từ đồng đội.	8.0%	4.3%	55.1%	26.9%	5.7%	0.91
TN3	Tôi luôn tuân thủ và có trách nhiệm hoàn thành đúng hạn phần việc được giao.	4.3%	24.9%	34.9%	26.6%	9.4%	1.02
TN4	Tôi có khả năng cùng nhóm giải quyết ổn thỏa các bất đồng hoặc xung đột phát sinh.	2.0%	40.0%	18.0%	30.9%	9.1%	1.07
TN5	Tôi tự tin đảm nhận vai trò trưởng nhóm để điều phối và phân chia công việc.	5.1%	29.1%	29.7%	32.6%	3.4%	0.98
GT	**KỸ NĂNG GIAO TIẾP**						**0.81**
GT1	Tôi có thể dễ dàng bắt chuyện và làm quen với những người bạn mới.	9.4%	14.6%	51.4%	20.9%	3.7%	0.94
GT2	Tôi biết cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp để cuộc trò chuyện tự nhiên hơn.	6.6%	34.3%	31.4%	21.1%	6.6%	1.03
GT3	Tôi diễn đạt ý kiến cá nhân một cách rõ ràng, dễ hiểu cho người nghe.	3.1%	41.1%	30.3%	22.3%	3.1%	0.92
GT4	Tôi cảm thấy thoải mái khi phải trao đổi công việc trực tiếp với giảng viên.	4.9%	48.3%	18.3%	24.3%	4.3%	1.01
GT5	Tôi biết cách làm chủ cảm xúc trước những lời phê bình từ người xung quanh.	13.7%	31.1%	29.4%	20.9%	4.9%	1.09
QL	**KỸ NĂNG QUẢN LÝ THỜI GIAN**						**0.85**
QL1	Tôi có thói quen lập danh sách các công việc cụ thể cần làm trong ngày hoặc trong tuần.	4.9%	33.7%	34.3%	20.9%	6.3%	0.99
QL2	Tôi biết cách phân bổ thời gian hợp lý giữa học tập, làm thêm và giải trí.	8.9%	37.4%	22.0%	26.3%	5.4%	1.08

QL3	Tôi luôn chủ động sắp xếp thời gian để hoàn thành bài tập lớn đúng hạn định.	10.0%	22.6%	52.3%	13.7%	1.4%	0.87
QL4	Tôi có thói quen xem trước bài học và chuẩn bị tài liệu trước khi đến lớp học.	6.3%	43.4%	32.3%	12.0%	6.0%	0.97
QL5	Tôi tự kiểm soát tốt bản thân, không để mạng xã hội làm trì hoãn công việc.	11.4%	50.0%	6.6%	30.0%	2.0%	1.09
TT	**KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH**						**0.88**
TT1	Tôi biết cách thiết kế các trang slide đẹp mắt, đúng cấu trúc.	8.9%	42.9%	23.7%	17.7%	6.9%	1.07
TT2	Tôi biết cách chọn lọc và sắp xếp nội dung bài nói một cách mạch lạc, logic.	8.3%	52.9%	9.1%	27.1%	2.6%	1.05
TT3	Tôi kiểm soát tốt giọng nói, tốc độ nói và ngôn ngữ cơ thể khi trình bày bài.	11.7%	43.7%	27.1%	10.6%	6.9%	1.05
TT4	Tôi giữ được sự bình tĩnh, không bị run rẩy khi phải đứng nói trước đám đông.	14.3%	39.7%	30.9%	11.1%	4.0%	1.00
TT5	Tôi tự tin trả lời trực tiếp các câu hỏi chất vấn từ phía người nghe hoặc giảng viên.	15.7%	41.7%	25.7%	12.6%	4.3%	1.04
PV	**KỸ NĂNG PHỎNG VẤN XIN VIỆC**						**0.91**
PV1	Tôi hiểu rõ cấu trúc và biết cách tự thiết kế một bản sơ yếu lý lịch (CV) ấn tượng.	11.4%	36.9%	33.7%	11.1%	6.9%	1.04
PV2	Tôi nắm được các kênh và biết cách chủ động tìm kiếm các thông tin tuyển dụng.	12.6%	44.6%	20.6%	18.9%	3.4%	1.04
PV3	Tôi tự tin giới thiệu súc tích nhưng đầy đủ về bản thân với nhà tuyển dụng.	12.9%	46.0%	22.3%	16.9%	2.0%	0.98
PV4	Tôi có phản xạ tốt để xử lý các câu hỏi tình huống bất ngờ trong buổi phỏng vấn.	9.7%	59.7%	10.0%	18.0%	2.6%	0.98
PV5	Tôi biết cách chuẩn bị kỹ lưỡng về trang phục, tác phong và tâm lý trước phỏng vấn.	13.7%	43.7%	30.9%	11.1%	0.6%	0.88

Dựa trên kết quả chi tiết tại Bảng 4, nghiên cứu cho thấy năng lực KNM của sinh viên có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm kỹ năng cũng như giữa các hành vi cụ thể trong từng nhóm.

Đối với kỹ năng làm việc nhóm (Mean = 3.12), sinh viên nhìn chung có khả năng phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau tương đối tốt. Chỉ báo về sự sẵn sàng chia sẻ thông tin và hỗ trợ đồng đội đạt mức điểm cao nhất (Mean = 3.25), với tỷ lệ sinh viên được xếp loại tốt và rất tốt chiếm 43.7%. Tuy nhiên, khi chuyển sang các hành vi đòi hỏi tính chủ động và khả năng dẫn dắt tập thể, kết quả có xu hướng giảm. Cụ thể, mức độ tự tin khi đảm nhận vai trò trưởng nhóm chỉ đạt (Mean = 3.00), đồng thời có 29.1% sinh viên tự đánh giá ở mức yếu.

Ở nhóm kỹ năng giao tiếp (Mean = 2.82), sinh viên có xu hướng thoải mái hơn trong các tình huống giao tiếp với bạn bè cùng trang lứa (Mean = 2.95). Ngược lại, trong môi trường học thuật chính thức, đặc biệt là khi trao đổi trực tiếp với giảng viên, nhiều sinh viên vẫn còn tâm lý e ngại; chỉ báo này chỉ đạt (Mean = 2.75), với 48.3% sinh viên cho biết chưa thực sự tự tin. Khả năng kiểm soát cảm xúc trước áp lực hoặc khi tiếp nhận góp ý cũng ở mức chưa cao (Mean = 2.72).

Đối với kỹ năng quản lý thời gian (Mean = 2.75), kết quả cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành thói quen lập kế hoạch học tập và công việc cá nhân (Mean = 2.90). Tuy nhiên, hiệu quả triển khai trong thực tế còn hạn chế, thể hiện qua chỉ báo hoàn thành bài tập đúng hạn chỉ đạt (Mean = 2.74). Đáng chú ý, khả năng tự kiểm soát thời gian sử dụng mạng xã hội là điểm yếu nổi bật của nhóm kỹ năng này, với điểm trung bình thấp nhất (Mean = 2.61) và khoảng 50% sinh viên tự đánh giá ở mức yếu.

Kỹ năng thuyết trình là một trong những nhóm kỹ năng có điểm số tương đối thấp (Mean = 2.58). Sinh viên có xu hướng thực hiện tốt hơn ở khâu chuẩn bị nội dung và thiết kế slide trình chiếu (Mean = 2.71). Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc kiểm soát tâm lý khi trình bày trước đám đông (Mean = 2.51), đồng thời khả năng phản hồi và trả lời câu hỏi phản biện từ người nghe còn hạn chế (Mean = 2.48).

Trong các nhóm kỹ năng được khảo sát, kỹ năng phỏng vấn xin việc có mức điểm thấp nhất (Mean = 2.51). Sinh viên còn lúng túng trong việc chuẩn bị tác phong, trang phục cũng như tâm lý chuyên nghiệp khi tham gia phỏng vấn. Chỉ báo liên quan đến sự chuẩn bị trước phỏng vấn đạt mức thấp nhất toàn bộ khảo sát (Mean = 2.41), với 43.7% sinh viên tự đánh giá ở mức yếu. Kết quả này cho thấy sinh viên hiện còn thiếu cơ hội tiếp cận với các hoạt động mô phỏng hoặc trải nghiệm thực tế liên quan đến môi trường tuyển dụng và nghề nghiệp.

2.3.3. So sánh sơ bộ giá trị trung bình KNM theo đặc điểm sinh viên và mức độ tham gia ngoại khóa

Để phác họa rõ hơn bức tranh thực trạng, nghiên cứu tiến hành lập bảng thống kê mô tả so sánh sơ bộ giá trị trung bình điểm KNM tổng thể giữa các phân nhóm đặc điểm sinh viên.

Xét theo mức độ tham gia HĐNK, nhóm sinh viên dành trên 4 giờ mỗi tuần cho các hoạt động tập thể ghi nhận mức điểm KNM cao nhất (Mean = 3.62), cao hơn đáng kể so với nhóm tham gia ở mức hạn chế từ 1 - 4 giờ/tuần (Mean = 2.82) và nhóm hầu như không tham gia (Mean = 2.55). Kết quả này bước đầu cho thấy thời gian tham gia và mức độ gắn kết thực tế với HĐNK có mối liên hệ tích cực với quá trình hình thành và phát triển KNM của sinh viên.

Xét theo khối ngành đào tạo, sinh viên thuộc nhóm ngành Kinh tế - Quản lý - Công nghệ số có mức điểm tự đánh giá KNM cao hơn sinh viên khối Công nghệ - Kỹ thuật (3.10 > 2.53). Sự khác biệt này có thể xuất phát từ đặc thù đào tạo của các nhóm ngành kinh tế, nơi sinh viên thường xuyên tham gia thảo luận, làm việc nhóm và trình bày trước lớp trong quá trình học tập.

Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, nghiên cứu ghi nhận rằng nhóm sinh viên khối Công nghệ - Kỹ thuật nhưng tham gia tích cực vào các HĐNK lại đạt mức điểm KNM tương đối cao (Mean = 3.62), vượt mức trung bình chung của sinh viên khối Kinh tế. Kết quả này cho thấy HĐNK có thể đóng vai trò như một môi trường hỗ trợ hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp, khả năng tự tin và năng lực tương tác xã hội cho sinh viên khối kỹ thuật.

Mặc dù đây mới là kết quả thống kê mô tả ban đầu, xu hướng dữ liệu cho thấy môi trường ngoại khóa có tiềm năng trở thành yếu tố bổ trợ quan trọng giúp thu hẹp khoảng cách KNM giữa các nhóm ngành đào tạo khác nhau.

III.KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát trên 350 sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung cho thấy sinh viên hiện nay chủ yếu tham gia các hoạt động ngoại khóa (HĐNK) mang tính phong trào và giải trí. Các hoạt động tình nguyện, câu lạc bộ văn hóa,

thể thao và nghệ thuật thu hút nhiều sinh viên hơn so với các hoạt động học thuật như hội thảo, tọa đàm hay chương trình đào tạo chuyên sâu. Thực trạng này phần nào phản ánh áp lực về thời gian và điều kiện kinh tế khi nhiều sinh viên phải cân bằng giữa học tập và làm thêm.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy kỹ năng mềm (KNM) của sinh viên nhìn chung chỉ đạt mức trung bình. Trong các nhóm kỹ năng được khảo sát, kỹ năng làm việc nhóm có kết quả tích cực nhất, trong khi các kỹ năng phục vụ trực tiếp cho quá trình tìm kiếm việc làm như thuyết trình, phản biện và phỏng vấn xin việc còn hạn chế. Đây đều là những kỹ năng quan trọng đối với khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Đáng chú ý, kết quả khảo sát cho thấy mối liên hệ tích cực giữa mức độ tham gia HĐNK và sự tự tin về KNM của sinh viên. Những sinh viên tham gia ngoại khóa thường xuyên có xu hướng tự đánh giá năng lực của bản thân cao hơn, đặc biệt ở các kỹ năng giao tiếp, biểu đạt và thích nghi với môi trường xã hội. Điều này khẳng định vai trò của HĐNK như một môi trường hỗ trợ hiệu quả cho quá trình rèn luyện KNM.

Từ những kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện KNM thông qua HĐNK tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Đối với nhà trường, cần tăng cường lồng ghép nội dung rèn luyện KNM vào chương trình đào tạo, đặc biệt là các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện và tác phong nghề nghiệp. Đồng thời, nên mở rộng các hoạt động học tập trải nghiệm như dự án nhóm, bài tập tình huống, cuộc thi học thuật và các chương trình liên ngành để tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng kiến thức và phát triển kỹ năng trong môi trường thực tế.

Đối với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các câu lạc bộ, cần đa dạng hóa hoạt động theo hướng tạo nhiều cơ hội thực hành KNM, đồng thời khuyến khích sự tham gia của những sinh viên còn rụt rè hoặc ít tham gia hoạt động. Bên cạnh đó, giảng viên cần đổi mới phương pháp tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm theo hướng phát huy sự chủ động và trách nhiệm của từng cá nhân.

Về phía sinh viên, cần chủ động tham gia HĐNK, xây dựng kế hoạch học tập và quản lý thời gian hợp lý để cân bằng giữa học tập, làm thêm và rèn luyện bản thân. Việc tích lũy KNM song song với kiến thức chuyên môn sẽ góp phần nâng cao khả năng thích ứng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và tạo lợi thế cạnh tranh sau khi tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Tiến Trung & Nguyễn Thị Thuý (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến học tập kỹ năng mềm của người học tại khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Đà Lạt. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết (UPTIS), 3(4), 54-69. https://tapchikhoahocupt.vn/index.php/uptjs/article/download/uptjs-104-2025/75

Lai Duy Long, Nguyễn Minh Đoàn, Nguyễn Thành Trung, Hoàng Trọng Tuân (2021). Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên tại một số trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Social Sciences & Humanities, 5(2), xxx-xxx.

Ha Thi Thuy, Nguyen Le Phuong Anh, Nguyen Tran Thanh Ha & Doan Hang Huong Quyen (2025). The Impact of Extracurricular Activities on Skills Development of Learners: Evidence From Universities in Ho Chi Minh City. Journal of development and intergration, No. 82, 72-79.

Luvia, Marsofiyati, & Eka Dewi Utari. (2025). The Effect of Extracurricular Activities on Soft Skill Development of Vocational School Students in Jakarta. International Conference on Digital Business Innovation and Technology Management (ICONBIT), 1(2). Retrieved from https://proceeding.unesa.ac.id/index.php/iconbit/article/view/5250